

BIỂU 01. TỔNG HỢP GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN

Công trình: Sửa chữa, nâng cấp đập Cồn Tạng, xã Tràng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd	Gxd	727.740.741	58.219.259	785.960.000
1	Quyết toán theo Hợp đồng số: 14/2023/HĐ-XD ngày 21/3/2023 và phụ lục hợp đồng số 14a/2023/PLHĐ-XD ngày 01/9/2023 (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 44/2023/NĐ-CP)	Gxd	Có bảng tính	727.740.741	58.219.259	785.960.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	Giá trị đề nghị QT	19.158.000		19.158.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	(Gtv1+Gtv2+Gtv3)	96.205.556	7.696.444	103.902.000
1	Chi phí khảo sát địa hình (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 44/2023/NĐ-CP)	Gtv1	BB nghiệm thu, QT A-B	31.637.037	2.530.963	34.168.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 44/2023/NĐ-CP)	Gtv2	BB nghiệm thu, QT A-B	45.501.852	3.640.148	49.142.000
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 44/2023/NĐ-CP)	Gtv3	BB nghiệm thu, QT A-B	19.066.667	1.525.333	20.592.000
IV	Chi phí khác	Gk	Gk1+Gk2+...+Gk4	13.582.000	-	13.582.000
1	Phí thẩm định đầu tư	Gk1	Dự toán duyệt	500.000		500.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	Gk2	Giá trị đề nghị QT * 0,57%	5.298.000		5.298.000
3	Chi phí thẩm định BCKTKT	Gk3	Dự toán duyệt	2.621.000		2.621.000
4	Chi phí kiểm tra nghiệm thu	Gk4	Dự toán duyệt	5.163.000		5.163.000
	TỔNG CỘNG		Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp	856.686.296	65.915.704	922.602.000

Bằng chữ: Chín trăm hai mươi hai triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng ./.

BIỂU 02. TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
Công trình: Sửa chữa, nâng cấp đập Còn Tạng, xã Trảng Phái, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
(Kèm theo Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị: đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4	8
	Tổng số		922.602.000	739.000.000	183.848.000	246.000	
I	Chi phí xây dựng		785.960.000	602.112.000	183.848.000	-	
1	Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Văn Quan	Chi phí xây dựng	785.960.000	602.112.000	183.848.000		
II	Chi phí QLDA		19.158.000	19.158.000	-	-	
1	Phòng Nông nghiệp&PTNT <i>(nay là Phòng Nông nghiệp và Môi trường)</i>	Quản lý dự án	19.158.000	19.158.000	-		
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		103.902.000	103.902.000	-	-	
1	Công ty CPTV và XD thủy lợi Lạng Sơn	Chi phí khảo sát địa hình	34.168.000	34.168.000	-	-	
2	Công ty CPTV và XD thủy lợi Lạng Sơn	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	49.142.000	49.142.000		-	
3	Công ty CPTV và XD thủy lợi Lạng Sơn	Chi phí giám sát thi công xây dựng	20.592.000	20.592.000	-	-	
IV	Chi phí khác		13.582.000	13.828.000	-	246.000	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng <i>(nay là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)</i>	Phí thẩm định đầu tư	500.000	500.000	-	-	
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn	5.298.000	5.544.000		246.000	
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng <i>(nay là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)</i>	Chi phí thẩm định BCKTKT	2.621.000	2.621.000		-	
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng <i>(nay là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)</i>	Chi phí kiểm tra nghiệm thu	5.163.000	5.163.000		-	

Nội dung	Đơn vị	Phê duyệt	Quyết toán A-B đề nghị	Giá trị thẩm tra QT	Chênh lệch
#NAME?	đồng	792.610.984	792.611.000	785.960.000	- 6.651.000
- Chi phí quản lý dự án	đồng	19.158.000	19.158.000	19.158.000	-
- Chi phí tư vấn DT XD	đồng	103.902.170	103.902.000	103.902.000	-
- Chi phí khác	đồng	13.827.900	13.828.000	13.582.000	- 246.000
- Chi phí dự phòng	đồng	43.154.534			
- Chi phí nhân dân đóng góp	đồng			-	
Tổng cộng	đồng	972.653.588	929.499.000	922.602.000	- 6.897.000